

Số: 225/BC-MGLH

Long Hậu, ngày 31 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 TRƯỜNG MẪU GIÁO LONG HẬU
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT)

I. Thông tin chung

- Tên trường: Trường Mẫu giáo Long Hậu
- Địa chỉ: Ấp 4, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
- Điện thoại: 0272.3732.199
- Email: c0longhaucg.longan@moet.edu.vn
- Website: mglonghaucg.edu.vn
- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thúy Diệu
- Loại hình: trường mẫu giáo công lập
- Nhiệm vụ: Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 48 tháng đến 72 tháng.

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển nhà trường:

Trường Mẫu giáo Long Hậu nằm trên đường Tỉnh lộ 826C, ấp 4 xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sát trục lộ thuận lợi cho việc đi lại đưa đón trẻ của các bậc phụ huynh. Trường được tách từ trường Tiểu học Long Hậu từ năm 2003 theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc. Trường có 1 điểm chính, tọa lạc tại ấp 4, xã Long Hậu.

Đội ngũ CB-GV-NV đủ theo Điều lệ trường Mầm non, có phẩm chất đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, năng động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm học 2023-2024 trường có 24 CB-GV-NV, trong đó có 2 CBQL, 14 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 4 nhân viên cấp dưỡng, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên bảo vệ, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn là 78,6%. Trường có Chi bộ Đảng với 13 Đảng viên; chi bộ nhà trường năm 2022 được xếp loại là Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; chi bộ nhà trường năm 2023 được xếp loại là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trường có các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Ban ĐDCMHS đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong từng năm học.

- **Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:**

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thúy Diệu, nơi làm việc: Trường Mẫu giáo Long Hậu, ấp 4, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An; số điện thoại: 0941804777 email: thuydieu100185@gmail.com.

- **Tổ chức bộ máy:**

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc

b) Hội đồng trường: Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 13/06/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc; danh sách gồm có 07 thành viên, trong đó Bà Nguyễn Thị Thúy Diệu là chủ tịch hội đồng trường.

c) Quyết định công nhận Hiệu trưởng:

Quyết định số 5648/QĐ-UBND huyện ngày 12/11/2021 của UBND huyện Cần Giuộc.

Quyết định công nhận Phó hiệu trưởng: Quyết định số 4885/QĐ-UBND, ngày 26/09/2023 của UBND huyện Cần Giuộc.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: (kèm các quy chế tại bảng tin)

II. Thông tin đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 24.

Cán bộ quản lý: 02, trình độ: ĐH: 02

Giáo viên 14: trình độ: đại học 11, cao đẳng: 02, trung cấp: 01;

Nhân viên: 08, đại học : 01, trung cấp 01, chứng chỉ: 06. Trong đó, vị trí bảo vệ: 02; vị trí nấu ăn: 04

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: mức tốt: 06, khá: 10.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 24/24.

III. Thông tin về cơ sở vật chất:

a) Trường được Ủy ban Nhân dân huyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất khang trang với tổng diện tích của là 5.043m^2 ; trong đó diện tích phòng học là 3000m^2 ; sân chơi $291,2\text{m}^2$; nhà vệ sinh khép kín $218,4\text{m}^2$; diện tích nhà bếp là 60m^2 ; nhà kho 20m^2 ; khối phòng chức năng là $372,1\text{m}^2$ còn lại là diện tích sân và khu vui chơi của trẻ

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị: 0 Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em: 8 phòng; Khối phòng tổ chức ăn : 01 phòng Khối phụ trợ: không; hạ tầng kỹ thuật: có hệ thống điện, nước, mạng internet.

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có: máy tính 11 (tại lớp: 07, văn phòng: 04), máy in: 04

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời: 02 bộ

IV. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: đạt mức chất lượng tối thiểu; Đã thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 21 tháng 05 năm 2021 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Long An.

V. Hoạt động giáo dục: Chuyên môn thực hiện

1. Thông tin về kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học 2023-2024

a) Đơn vị xây dựng kế hoạch số 219/KH-MGLH ngày 26 tháng 06 năm 2023 về việc tuyển sinh năm học 2023-2024.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

*** Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc**

- Tổng số trẻ ăn bán trú tại trường: 227/227 cháu.

- Mức tiền ăn của trẻ: 30.000đ/trẻ/ngày.

Nguồn ga, nước nấu ăn, nước uống, chi trả chế độ cho nhân viên nấu ăn được sử dụng chi từ nguồn phí dịch vụ bán trú hàng tháng của đơn vị.

- 100% lớp thực hiện chế độ vệ sinh của trẻ theo quy định, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh cho trẻ, đặc biệt là dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho trẻ ở trường.

- Nhà trường đã thực hiện ký hợp đồng với công ty nước sạch Nhà Bè đảm bảo đủ nước sử dụng cho trẻ tại các điểm trường. Nhà trường thực hiện xét nghiệm nguồn nước đầu vào tại nhà trường để đảm bảo chất lượng nguồn nước tại nhà trường luôn an toàn, sạch đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng theo QCVN: 4 2009/BYT. Thực hiện hợp đồng nước uống và nấu ăn với công ty nước Đông Đông tại Thị trấn Cần Giuộc đảm bảo theo QCVN6-1: 2010/BYT.

- 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng, đã thực hiện 3 đợt cân đo trẻ trong năm học, kết quả: Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân cuối năm 0/227 trẻ, không có trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi; trẻ thừa cân, béo phì: cuối năm 33/227 (đầu năm 44/227).

- Trường tổ chức cho CB, GV, NV trường khám sức khỏe 1 lần/ năm (24/24 được kiểm tra sức khỏe) . Trạm y tế xã tổ chức khám sức khỏe cho các cháu 1 lần/năm vào tháng 12/2023, kết quả: 227/227 trẻ được kiểm tra sức khỏe đạt tỷ lệ 100%.

- Tổ chức nấu ăn cho trẻ theo thực đơn, tính khẩu phần ăn hàng ngày để điều chỉnh thực đơn cho phù hợp. Trẻ được ăn đủ chất, cân đối định lượng thức ăn tương đối chính xác, thường xuyên thay đổi thực đơn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ.

- Nhà trường đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc nguyên tắc về giao nhận thực phẩm. Đảm bảo tuyệt đối vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện chế biến theo nguyên tắc bếp 1 chiều từ khâu giao nhận thực phẩm cho đến khâu tổ chức trẻ ăn, chỉ đạo việc duy trì thực hiện tốt lịch vệ sinh nhà bếp sạch sẽ gọn gàng.

*** Công tác giáo dục:**

- Thực hiện chủ đề năm học "Xây dựng trường học hạnh phúc - lấy trẻ làm trung tâm". Đơn vị đã thực hiện sinh hoạt cụm chuyên môn tại trường với 2 hoạt động: làm quen chữ viết và hoạt động góc; cử cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán tham dự sinh hoạt cụm tại các trường.

- Đơn vị thực hiện tốt các chuyên đề trong năm: 8/8 lớp thực hiện nghiêm túc nội dung các chuyên đề: xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, lồng ghép chuyên đề học tập và làm theo Bác Hồ, giáo dục phát triển vận động, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, môi trường chữ viết,trong đó chọn chuyên

đề “Giáo dục lễ giáo” làm chuyên đề điểm tại 2 khối, kết quả: các lớp thực hiện tốt nội dung các chuyên đề, trẻ ham thích đến trường, lễ phép, nhanh nhẹn, tự tin, trẻ tại nhà trường được giáo dục bảo vệ tài nguyên biển đảo và giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

- Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên toàn trường thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá sự phát triển của trẻ sau chủ đề đồng thời lồng ghép bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi vào nội dung chủ đề, tổ chức khảo sát trẻ cuối năm học:

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội; Thực hiện quy chế phối hợp với công an xã để đảm bảo “An toàn, an ninh, trật tự” trong trường học; Quy chế phối hợp 3 môi trường “Gia đình - Nhà trường - Xã hội”.

Thực hiện tốt mô hình “Công tác phối hợp với phụ huynh trong chuyển đổi số”, qua công tác tuyên truyền có 100% PHHS biết thực hiện thanh toán không dung tiền mặt.

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ: Được xây dựng đa dạng, phong phú, kết hợp nhiều loại thực phẩm đảm bảo trẻ ăn ngon miệng. Thực đơn được công khai hàng tuần trên Website của trường và trên các bảng công khai tại trường

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có):

Trong năm học 2023-2024 Nhà trường hợp tác với công ty Ngoại ngữ, tin học Khang Trí thực hiện cho trẻ làm quen với Tiếng Anh với hình thức tự nguyện theo nhu cầu phụ huynh có 150 trẻ tham gia.

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong năm 2023-2024:

a) Huy động trẻ từ 0-2 tuổi: 187/310 (ngoài công lập: 187), tỉ lệ: 60.3%; 3-5 tuổi: 499/362 (công lập: 227, ngoài công lập: 272), tỉ lệ: 137,8%, trẻ 5 tuổi ra lớp 118/118: tỷ lệ: 100%. Bố trí số trẻ/lớp đảm bảo theo quy định: 227/07 lớp, bình quân 32.4 trẻ/lớp.

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có): Không

c) Số trẻ em học 02 buổi/ ngày: 227/227

d) Tổng số trẻ ăn bán trú tại trường: 227/227 .

đ) 100% trẻ khám sức khỏe và theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng, đã thực hiện 3 đợt cân đo trẻ trong năm học, kết quả: Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân cuối năm 0/227 trẻ, không có trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi; trẻ thừa cân, béo phì: cuối năm 33/227 (đầu năm 44/227).

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi đạt PCGDMN trẻ 5 tuổi

g) Số trẻ khuyết tật: Trong năm học 2023-2024 trường không có trẻ khuyết tật hòa nhập.

VI. Kết quả tài chính:

a) Các khoản thu phân theo nguồn:

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp: 2.101.430.000 đồng
- Nguồn thu học phí: 180.820.000 đồng
- Nguồn thu dịch vụ bán trú: 566.748.000 đồng
- Nguồn thu dịch vụ làm quen tiếng anh: 58.350.000 đồng

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập: 1.983.325.206 đồng
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ, Chi khác : 600.210.000 đồng

c) Các khoản thu và mức thu đối với người học:

- Thu học phí năm học 2023-2024: Khối chồi 77.000đ /1hs/tháng Khối lá 66.000đ/1hs/tháng

- Thu phí dịch vụ bán trú năm học 2023-2024: 312.000đ/1hs/tháng

- Thu phí dịch vụ làm quen tiếng anh năm học 2023-2024: 150.000đ/1hs/tháng.

7 - Thu tiền ăn năm học 2023-2024: 30.000đ x số ngày thực học trong tháng/1hs/tháng

- Dự kiến khoản thu và mức thu cho năm học 2024-2025:

* Thu học phí năm học 2024-2025:

+ Trẻ 4 tuổi được giảm 50% (mức thu 77.000/50%/1hs/tháng) theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2024 quy định chính sách miễn giảm học phí đối với trẻ mầm non dưới 5 tuổi và học sinh trung học cơ sở thuộc các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Long An.

+ Trẻ em 5 tuổi được miễn học phí theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

* Thu phí dịch vụ bán trú năm học 2024-2025:

Căn cứ Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 3 năm 2023 Quyết định về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Long An: 312.000đ/1hs/tháng. Đối tượng miễn giảm:

- 100% trẻ em thuộc diện hộ nghèo, trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ. - 50% trẻ em thuộc diện hộ cận nghèo, mồ côi cha hoặc mẹ.

* Thu phí dịch vụ làm quen tiếng anh năm học 2024-2025: 150.000đ/1hs/tháng.

+ Thu tiền ăn năm học 2024-2025: theo sự thỏa thuận của cha mẹ học sinh và định lượng dinh dưỡng hàng ngày của trẻ.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Hỗ trợ giảm học phí HK1 năm học 2023-2024: 2.266.000đ

+ Khối chồi: 7 học sinh thuộc diện KHHGD x (77.000đ/50%) x 4 tháng = 1.078.000đ

+ Khối lá: 8 học sinh thuộc diện KHHGD x (66.000đ/50%) x 4 tháng = 1.056.000đ;

+ 1 học sinh thuộc diện cận nghèo x (66.000đ/50%) x 5 tháng = 132.000đ

- Hỗ trợ tiền ăn trưa HK1 năm học 2023-2024: 640.000đ

- Hỗ trợ giảm học phí HK2 năm học 2023-2024: 2.825.000đ

+ Khối chồi: 8 học sinh thuộc diện KHHGD x (77.000đ/50%) x 5 tháng = 1.340.000đ + Khối lá: 8 học sinh thuộc diện KHHGD x (66.000đ/50%) x 5 tháng = 1.320.000đ

+ 1 học sinh thuộc diện cận nghèo x (66.000đ/50%) x 5 tháng = 165.000đ

- Hỗ trợ tiền ăn trưa HK2 năm học 2023-2024:

1 học sinh thuộc diện cận nghèo x 160.000 x 5 tháng = 800.000đ

e) Số dư các nguồn tài chính:

- Nguồn ngân sách nhà nước sau ngày 31/12/2023: 143.868.123 đồng

- Nguồn thu học phí: 72.935.138 đồng

- Nguồn thu dịch vụ bán trú: 173.786.010 đồng

f) Các nội dung công khai tài chính khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: Đơn vị đã thực hiện tự kiểm tra các hoạt động tài chính, chấp hành các quy định về công khai, thanh toán thuế, các chế độ chính sách cho trẻ, cán bộ quản lý giáo viên nhân viên theo quy định, các hoạt động mua sắm sửa chữa đều được đề xuất thống nhất bàn bạc lấy ý kiến từ phía giáo viên nhân viên nhà trường. Ban chấp hành công đoàn cơ sở luôn phối hợp chặt chẽ trong công tác tuyên truyền vận động công đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

VII. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác:

Đơn vị thực hiện tham mưu mở rộng quy hoạch mạng lưới trường giai đoạn 2026-2030.

Thực hiện duy trì đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức tối thiểu.

Duy trì kết quả thực hiện PCGDMNTE5T.

Xây dựng đội ngũ đoàn kết, yêu thương chia sẻ, xây dựng trường học hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm.

Xây dựng đảm bảo chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ theo độ tuổi.

Tổ chức các hoạt động phát triển toàn diện cho trẻ, tạo điều kiện cho trẻ tiếp cận chương trình làm quen Tiếng Anh.

Sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính được cấp trên giao, huy động các nguồn lực hợp pháp hỗ trợ cho trẻ của nhà trường.

Nơi nhận:

- UBND huyện Cần Giuộc;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT./.



Nguyễn Thị Thúy Diệu